

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - S phúc**

Bản án số: 08/2025/HS-PT

Ngày 25-3-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN K

- E phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Lê Minh Đạt

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thư Linh - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến K tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến K xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2025/TLPT-HS ngày 14 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo Võ Hoàng P, Trịnh Hoài L, Huỳnh Hữu H, Lê Phúc P và Nguyễn Minh D do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2025/HS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân E phố Bến K, tỉnh Bến K.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Võ Hoàng P, sinh ngày 03/5/2006 tại tỉnh Bến K; nơi cư trú: Số 40C, ấp Phú Hữu, xã Hữu Định, huyện Châu E, tỉnh Bến K; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 10/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Hoàng P, sinh năm 1980 và bà Dương Thị Hồng T, sinh năm 1984; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 07/8/2024 cho đến nay; có mặt.

2. Trịnh Hoài L, sinh ngày 09/4/2004 tại tỉnh Bến K; nơi cư trú: Số 98/5 đường Tán Kế, Khu phố 7, phường An Hội, E phố Bến K, tỉnh Bến K; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 7/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn P, sinh năm 1962 và bà Mai Thị Thanh T, sinh năm 1970; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 07/8/2024 cho đến nay; có mặt.

3. Huỳnh Hữu H, sinh ngày 04/02/2002 tại tỉnh Bến K; nơi cư trú: ấp L, xã Thanh B, huyện Vũng L, tỉnh Vĩnh L; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam;

con ông Huỳnh Văn G, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1971; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 08/8/2024 cho đến nay; có mặt.

4. Lê Phúc P, sinh ngày 12/02/2006 tại tỉnh Bến K; nơi cư trú: Số 9/1, đường Lê Quý Đôn, Khu phố 4, phường An H, thành phố Bến K, tỉnh Bến K; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 9/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Duy H, sinh năm 1970 và bà Dương Thị Bích H, sinh năm 1979; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 07/8/2024 cho đến nay; có mặt.

5. Nguyễn Minh D, sinh ngày 04/11/2006 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số 392/8/107 đường C Thắng, Khu phố 8, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 9/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh Q, sinh năm 1982 và bà Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1983; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 07/8/2024 cho đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Phúc P*: Ông Lê Văn M là Luật sư - Văn phòng luật sư Lê Vũ Hồng Huệ thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến K; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có tiền tiêu xài và biết anh Phạm Minh S có tình cảm đồng giới với Trịnh Hoài L nên Võ Hoàng P đã bàn bạc thống nhất với nhóm bạn gồm: Trịnh Hoài L, Nguyễn Minh D (tính đến ngày 06/8/2024 là 17 tuổi 09 tháng 01 ngày), Huỳnh Hữu H và Lê Phúc P kêu L đưa anh S đến chỗ vắng để chiếm đoạt tài sản của anh S, cụ thể như sau:

Khoảng 14 giờ 05 phút ngày 03/8/2024, Võ Hoàng P, Trịnh Hoài L, Nguyễn Minh D, Huỳnh Hữu H ngồi uống cà phê ở quán cà phê Ngọc Thanh ở xã Hữu Định, huyện Châu E, tỉnh Bến K, P bàn với nhóm bạn để L khi đi chơi với anh S thì L đưa anh S đến khu vực hẻm Đình Tân E ở ấp 1, xã Sơn Đông, E phố Bến K; sau đó, P, D và H sẽ tiến hành chặn đường uy hiếp anh S chiếm đoạt lấy tài sản. Để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh S như đã dự kiến; khoảng 23 giờ 05 phút cùng ngày, D điều khiển xe mô tô biển số 71F3 - 5408 chở H đi vào khu vực hẻm Đình Tân E ở ấp 1, xã Sơn Đông, E phố Bến K để quan sát chọn địa điểm chặn và chiếm đoạt tài sản của anh S; D và H thấy trong hẻm này đông người qua lại, đèn đường sáng và có nhiều camera quan sát nên sợ thực hiện hành vi dễ bị phát hiện liền báo lại cho P biết để không thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của anh S ở trong hẻm Đình Tân E. Đến khoảng 11 giờ 05 phút ngày 05/8/2024, nhóm P, L, D và H gặp nhau ở quán cà phê Ngọc Thanh tiếp tục bàn

chọn địa điểm để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh S; lúc này cả nhóm bàn đưa ra hai địa điểm là đường Vành Đai mới gần Vòng xoay Phú Hưng và đường vào bãi rác Phú Hưng, sau đó L và D điều khiển xe đi quan sát hai đường này thấy cả hai đường đều là đường vắng người, không có camera quan sát. Khoảng 15 giờ cùng ngày, cả nhóm tiếp tục gặp nhau ở quán cà phê Ngọc Thanh để bàn chọn địa điểm; P chọn địa điểm là đường vào bãi rác Phú Hưng vì đường này tối, vắng người không có camera quan sát nên cả nhóm P, L, D và H cùng đồng ý và thống nhất thực hiện vào đêm ngày 05/8/2024, nhưng do trời mưa lớn nên không thực hiện được. Đến khoảng 20 giờ 05 phút ngày 05/8/2024, Lê Phúc P rủ nhóm P, L, D và H cùng với bạn của P đến quán Lẩu Éch ở xã Sơn Đông, E phố Bến K uống bia; tại đây P thống nhất với L, D và H thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của anh S ở đường vào bãi rác Phú Hưng, E phố Bến K. Đến 00 giờ 30 phút ngày 06/8/2024, cả nhóm P, L, D, H và P về nhà của P ở Số 40, ấp Phú Hữu, xã Hữu Định, huyện Châu E, tỉnh Bến K bàn bạc thực hiện chiếm đoạt tài sản của anh S; cả nhóm thống nhất L đi chơi với anh S sẽ dụ anh S đến đường vào bãi rác Phú Hưng để cho nhóm P, H và D chặn chiếm đoạt tài sản; P ngồi nghe và biết được kế hoạch chiếm đoạt tài sản của anh S; P bàn bạc sẽ điều khiển xe chở P cầm dao chặn xe của S để cho D và H vào lấy tài sản nhưng P tay bị chấn L nên từ chối không cầm dao; lúc này P giao cho D và H sẽ trực tiếp cướp tài sản của S, còn P chở P đi cảnh giới nếu phát hiện có người và Công an thì báo cho D và H biết thì được P đồng ý. Sau khi thống nhất thì P lấy 01 con dao và 01 cây súng nhựa đồ chơi đưa cho D; lúc này để tránh bị phát hiện, L và D đã gỡ biển số xe 71F3 - 5408 và búng xe của L. Sau khi nhận được tin nhắn của anh S hẹn L đi chơi, L hẹn anh S ở gần quán cà phê Làng Văn thuộc Phường 6, E phố Bến K, H dùng xe mô tô biển số 71B4 - 452.82 chở L đến điểm hẹn với S; lúc này P chạy xe mô tô biển số 71B4 - 452.82 chở P đi quan sát ở khu vực đường vào bãi rác Phú Hưng, D chạy xe mô tô biển số 71F3-540.89 (nhưng đã gỡ biển số ra) chở H vào đường bãi rác để chờ anh S và L đến. Khi L gặp anh S rủ đi chơi thì hướng dẫn anh S điều khiển xe vào đường bãi rác Phú Hưng. Khi đến ấp Phú E, xã Phú Hưng, E phố Bến K đến địa điểm mà D và H đang đón bên đường, phát hiện thấy xe của anh S chở L đến thì D cầm súng đồ chơi giả và H cầm dao xông ra chặn đường buộc S dừng xe lại, D cầm súng đồ chơi giả dí vào đầu của anh S và nói “có tiền vàng đưa hết đây”, cùng lúc này H cầm dao giả vờ đe dọa L; anh S bị uy hiếp hoảng sợ nên đã lấy số tiền 4.000.000 đồng ra đưa cho D; L cũng giả vờ đưa 01 bóp da bên trong có giấy Căn cước công dân của L và điện thoại di động ra đưa cho H giả như là bị cướp tài sản như anh S để tránh bị anh S nghi ngờ. Sau khi lấy được tiền của anh S thì D và H tẩu thoát và chạy xe về nhà của P. Trên đường về, D kiểm tra thấy có 08 tờ giấy bạc mệnh giá 500.000 đồng. Lúc này P chở P đi cảnh giới, điện thoại cho D và biết được D và H lấy được

4.000.000 đồng của anh S. Khi về đến nhà của P thì D đưa cho P 4.000.000 đồng, P chia cho D và H mỗi người 1.000.000 đồng, P 500.000 đồng, còn lại 1.500.000 đồng P giữ cho mình 1.000.000 đồng và 500.000 đồng cho L. Sau khi bị cướp tài sản anh S chở L đến Công an xã Phú Hưng trình báo sự việc. Biết sự việc bị Cơ quan Công an phát hiện, D và H đem điện thoại của L cất giấu để tránh bị phát hiện, sau đó lại lấy đem về giao lại cho P để giao cho Cơ quan Công an.

* Vật chứng do Cơ quan điều tra thu giữ:

- Tiền VND 4.000.000 đồng;
- 01 (một) cây súng ngắn đồ chơi bằng nhựa, màu đen, kích thước 14,5cm x 10cm, có chữ CHINA 6mm, M-2000;
- 01 (một) con dao dài 49cm, lưỡi bằng kim loại dài 26,5cm, cán bằng gỗ dài 22,5cm;
- 01 (một) xe mô tô biển số 71F3 - 5408, nhãn hiệu CITI, màu nâu, số máy CT100E1700513, số khung KMYCT100DCT684473 do bà Võ Thị Cúc đứng tên đăng ký;
- 01 (một) xe mô tô biển số 71B4 - 542.82, nhãn hiệu HONGDA, màu xanh, số máy HD1P53FMH00046466, số khung 71B445282 do bà Lục Thị Kim Hương đứng tên đăng ký;
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XS, màu trắng, số Imei 1356173092084891, 356173091828660, có ốp lưng nhựa màu đen của P;
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro, màu trắng, số Imei 356686118086244, 356173091828660, có ốp lưng nhựa màu nâu của D;
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13, màu xanh đen, số Imei 357068948607110, 357068947144164 của P;
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 08 Plus, màu hồng, số Imei 359500086580913, có ốp lưng nhựa màu nâu có chữ “Drew” của L;
- 01 (một) ví màu đen có chữ “MONTBLANC PLATIUM” của L.

Ngày 22/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an E phố Bến K, tỉnh Bến K đã trả cho anh Phạm Minh S số tiền 4.000.000 đồng. Gia đình các bị cáo P, L, H, P và D đã bồi thường số tiền 6.000.000 đồng tổn thất tinh thần cho anh S, anh S có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Đối với các vật chứng thu giữ còn lại chưa xử lý.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2025/HS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân E phố Bến K, tỉnh Bến K đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Võ Hoàng P, Trịnh Hoài L, Huỳnh Hữu H, Lê Phúc P, Nguyễn Minh D phạm tội “Cướp tài sản”;

- Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Hoàng P 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày

07/8/2024;

- Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Hoài L 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2024;

- Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Hữu H 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/8/2024;

- Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Phúc P 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2024;

- Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh D 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2024;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

- Ngày 13/01/2025, bị cáo Lê Phúc P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

- Ngày 14/01/2025, bị cáo Nguyễn Minh D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

- Cùng ngày 20/01/2025, các bị cáo Võ Hoàng P, Trịnh Hoài L và Huỳnh Hữu H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Võ Hoàng P, Trịnh Hoài L, Huỳnh Hữu H, Lê Phúc P, Nguyễn Minh D khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Võ Hoàng P, Trịnh Hoài L, Huỳnh Hữu H, Lê Phúc P, Nguyễn Minh D phạm tội “Cướp tài sản” theo điểm a, d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trịnh Hoài L, Huỳnh Hữu H, Lê Phúc P là không phù hợp nên cấp phúc thẩm không áp dụng. Về hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo Võ Hoàng P 07 năm 06 tháng tù, Trịnh Hoài L 07 năm 03 tháng tù, Huỳnh Hữu H 07 năm 03 tháng tù, Lê Phúc P 07 năm 03 tháng tù và Nguyễn Minh D 05 năm tù là nghiêm khắc; kháng cáo xin giảm nhẹ hình

phạt của các bị cáo có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Võ Hoàng P từ 07 năm đến 07 năm 04 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo L, H và P; xử phạt bị cáo Trịnh Hoài L từ 05 năm đến 06 năm tù; xử phạt bị cáo Huỳnh Hữu H từ 05 năm đến 06 năm tù; xử phạt bị cáo Lê Phúc P từ 05 năm đến 06 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Minh D từ 03 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Các bị cáo không tranh luận.

- Người bào chữa cho bị cáo P tranh luận: Đồng tình về tội danh đối với bị cáo P. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bị cáo P rủ rê bị cáo D là người dưới 18 tuổi thực hiện tội phạm nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo P theo điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là không có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo L, H, P đều khẳng định không có rủ rê bị cáo D thực hiện tội phạm, mà do bị cáo P rủ rê bị cáo D thực hiện tội phạm; bị cáo P cũng thừa nhận chỉ có bị cáo rủ rê bị cáo D thực hiện tội phạm; vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt đối với bị cáo P là quá nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo P từ 03 năm đến 05 năm tù.

- Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác

có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 06/8/2024; các bị cáo Võ Hoàng P, Trịnh Hoài L, Nguyễn Minh D, Huỳnh Hữu H và Lê Phúc P đã bàn bạc, lên kế hoạch và đã dùng dao, dùng súng nhựa giả uy hiếp chiếm đoạt số tiền 4.000.000 đồng của bị hại Phạm Minh S tại ấp Phú E, xã Phú Hưng, E phố Bến K, tỉnh Bến K.

[3] Về tội danh: Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, các bị cáo đã bàn bạc lên kế hoạch, phân công nhiệm vụ cụ thể của từng bị cáo, dùng dao, dùng súng nhựa giả uy hiếp tinh thần của bị hại, làm cho bị hại lâm vào tình trạng không thể phản kháng để chiếm đoạt tài sản của bị hại số tiền 4.000.000 đồng; các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi, thủ đoạn, P tiện phạm tội và P quả xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Võ Hoàng P, Trịnh Hoài L, Huỳnh Hữu H, Lê Phúc P và Nguyễn Minh D phạm tội “Cướp tài sản” với tình tiết định khung “Có tổ chức” và “Sử dụng vũ khí, P tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác” theo điểm a, d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo Võ Hoàng P, Trịnh Hoài L, Huỳnh Hữu H, Lê Phúc P và Nguyễn Minh D yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; các bị cáo Võ Hoàng P, Trịnh Hoài L, Huỳnh Hữu H, Lê Phúc P có hành vi xúi giục bị cáo Nguyễn Minh D là người chưa đủ 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội nên các bị cáo P, L, H và P phải chịu tình tiết tăng nặng “*Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*” theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Minh D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, “*Người phạm tội E khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, *bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo* theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng các bị cáo P, L, D *có người thân là người có công với đất nước*; bị cáo P *có E tích xuất sắc trong học tập được tặng thưởng nhiều giấy khen* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo D *khi phạm tội dưới 18 tuổi* nên được áp dụng Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự và do bị cáo D có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự; đã xử phạt các bị cáo Võ Hoàng P 07 năm 06 tháng tù, Trịnh

Hoài L 07 năm 03 tháng tù, Huỳnh Hữu H 07 năm 03 tháng tù, Lê Phúc P 07 năm 03 tháng tù và Nguyễn Minh D 05 năm tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo P thừa nhận chỉ có một mình bị cáo rủ rê bị cáo D tham gia thực hiện tội phạm, các bị cáo L, H, P không có rủ rê bị cáo D; các bị cáo L, H, P khẳng định không có rủ rê bị cáo D thực hiện tội phạm mà do bị cáo P rủ rê bị cáo D; bị cáo P còn khẳng định mới biết bị cáo D vào khoảng 20 giờ ngày 05/8/2024 tại nhà bị cáo P nên không có rủ rê bị cáo D thực hiện tội phạm; bị cáo D khẳng định chính bị cáo P trực tiếp rủ rê bị cáo thực hiện tội phạm, riêng các bị cáo L, H, P không có rủ rê bị cáo. Vì vậy, có căn cứ xác định chính bị cáo P là người trực tiếp rủ rê bị cáo D thực hiện tội phạm khi bị cáo D là người dưới 18 tuổi, nên bị cáo P phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*” theo điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là phù hợp; Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo L, H và P là không phù hợp nên cấp phúc thẩm sửa lại không áp dụng điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo L, H và P cho phù hợp;

- Đối với bị cáo Võ Hoàng P: Xét thấy, bị cáo có vai trò là người chủ mưu đứng ra tổ chức, bàn bạc lập kế hoạch, chuẩn bị hung khí cho các đồng phạm khác cùng thực hiện tội phạm, bị cáo là người trực tiếp rủ rê bị cáo Nguyễn Minh D là người dưới 18 tuổi cùng thực hiện tội phạm nên bị cáo phạm tội có tình tiết tăng nặng “*Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*” theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, bị cáo thực hiện đúng kế hoạch được phân công với vai trò là người cảnh giới để bảo đảm sự an toàn cho các đồng phạm khác khi thực hiện tội phạm, bị cáo trực tiếp đứng ra chia tiền đã chiếm đoạt của bị hại cho các đồng phạm và được hưởng số tiền đã chiếm đoạt là 1.000.000 đồng nhiều hơn các bị cáo L và P, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm hơn so với các bị cáo khác nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất; bị cáo phạm tội có khung hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm, thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn, phạm tội với lỗi cố ý, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự như đã nêu ở phần trên; Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 07 năm 06 tháng tù là có phần nghiêm khắc so với số tiền chiếm đoạt mà bị cáo được hưởng cũng như sự E khẩn khai báo của bị cáo tại phiên toà phúc thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

- Đối với bị cáo Trịnh Hoài L: Xét thấy, bị cáo có vai trò là người giúp sức tích cực, trực tiếp tìm đối tượng để cướp tài sản, đã tham gia bàn bạc lập kế hoạch cùng với các bị cáo khác để thực hiện tội phạm, bị cáo thực hiện đúng kế hoạch được phân công với vai trò dẫn dắt bị hại đến địa điểm đã chuẩn bị sẵn để thực hiện cướp tài sản của bị hại, bị cáo giả vờ đưa tài sản của mình cho đồng phạm khác để đánh lừa bị hại làm cho bị hại lầm tưởng bị cáo cũng bị cướp tài sản như bị hại, bị cáo được hưởng số tiền đã chiếm đoạt là 500.000 đồng ít hơn các bị cáo khác nhưng bằng bị cáo P, hành vi phạm tội của bị cáo ít nguy hiểm hơn so với bị cáo P nhưng nguy hiểm hơn so với các bị cáo khác nên phải chịu trách nhiệm hình sự thấp hơn bị cáo P nhưng cao hơn các bị cáo khác; bị cáo phạm tội thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự như đã nêu ở phần trên; tại cấp phúc thẩm bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*” theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự nên xem như bị cáo được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 07 năm 03 tháng tù là có phần nghiêm khắc. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

- Đối với bị cáo Huỳnh Hữu H: Xét thấy, bị cáo có vai trò là người giúp sức tích cực, đã tham gia bàn bạc lập kế hoạch cùng với các bị cáo khác để thực hiện tội phạm, trực tiếp nhiều lần đi tìm địa điểm thuận lợi để cùng đồng phạm thực hiện tội phạm, bị cáo thực hiện đúng kế hoạch được phân công với vai trò cầm dao đe dọa bị hại, làm cho bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt tài sản của bị hại, bị cáo được hưởng số tiền đã chiếm đoạt là 1.000.000 đồng nhiều hơn các bị cáo L và P, hành vi phạm tội của bị cáo ít nguy hiểm hơn so với các bị cáo P và L nhưng nguy hiểm hơn so với bị cáo P nên phải chịu trách nhiệm hình sự thấp hơn các bị cáo P, L và cao hơn bị cáo P; bị cáo phạm tội thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự như đã nêu ở phần trên; tại cấp phúc thẩm, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*” theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự nên xem như bị cáo được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 07 năm 03 tháng tù là có phần nghiêm khắc. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ

để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

- Đối với bị cáo Lê Phúc P: Xét thấy, bị cáo có vai trò giúp sức là đi cảnh giới tạo điều kiện thuận lợi cho các bị cáo khác thực hiện tội phạm theo sự phân công của bị cáo P; bị cáo phạm tội thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại, bị cáo được hưởng số tiền đã chiếm đoạt là 500.000 đồng ít hơn các bị cáo khác, hành vi phạm tội của bị cáo ít nguy hiểm hơn so với các bị cáo P, L và H nên phải chịu trách nhiệm hình sự thấp hơn các bị cáo P, L và H. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự như đã nêu ở phần trên. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*” theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự nên xem như bị cáo được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 07 năm 03 tháng tù là có phần nghiêm khắc. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

- Đối với bị cáo Nguyễn Minh D: Xét thấy, bị cáo có vai trò là người giúp sức tích cực, đã tham gia bàn bạc lập kế hoạch cùng với các bị cáo khác để thực hiện tội phạm, trực tiếp nhiều lần đi tìm địa điểm thuận lợi để cùng đồng phạm thực hiện tội phạm, bị cáo thực hiện đúng kế hoạch được phân công với vai trò cầm súng (Theo Kết luận giám định là súng bắn đạn bằng lực đẩy của lò xo, thuộc đồ chơi nguy hiểm và không phải vũ khí quân dụng) đe dọa bị hại làm cho bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt tài sản của bị hại, bị cáo được hưởng số tiền đã chiếm đoạt là 1.000.000 đồng nhiều hơn các bị cáo L và P; bị cáo phạm tội thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại; hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội nhưng do bị cáo được áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự nên mức hình phạt của bị cáo thấp hơn so với các bị cáo khác. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, khi thực hiện hành vi phạm tội là người dưới 18 tuổi, có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự như đã nêu ở phần trên, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 05 năm tù là có phần nghiêm khắc so với việc áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên chấp

nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[4] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Người bào chữa cho bị cáo P đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P, xử phạt bị cáo P từ 03 năm đến 05 năm tù là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo; sửa Bản án sơ thẩm số: 02/2025/HS-ST ngày 10-01-2025 của Tòa án nhân dân E phố Bến K, tỉnh Bến K;

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1 Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Võ Hoàng P 07 (bảy) năm tù về tội “Cướp tài sản”;

Thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2024.

1.2 Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trịnh Hoài L 06 (sáu) năm tù về tội “Cướp tài sản”;

Thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2024.

1.3 Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Hữu H 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”;

Thời hạn tù tính từ ngày 08/8/2024.

1.4 Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Phúc P 05 (năm) năm tù về tội “Cướp tài sản”;

Thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2024.

1.5 Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh D 03 (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”;

Thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2024.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội:

Các bị cáo Võ Hoàng P, Trịnh Hoài L, Huỳnh Hữu H, Lê Phúc P và Nguyễn Minh D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến K (1b);
- Công an tỉnh Bến K (1b);
- TAND E phố Bến K (15b);
- VKSND E phố Bến K (1b);
- Chi cục THADS E phố Bến K (1b);
- UBND xã Hữu Định, h. Châu E (1b);
- UBND p. An Hội, TP. Bến K (2b);
- UBND xã Thanh Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long (1b) ;
- UBND P. 12, Q.10, TP.HCM (1b);
- Bị cáo (5b);
- Trại tạm giam (5b)
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến K (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông